TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2020
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Hùng – Ông Phan Ngọc Đức
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Huyện Yên Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐ-ST ngày 02 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2010/QĐ- HPT ngày 13/4/2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/9/1983
Nơi ĐKHKTT: xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Giáo viên. (Có mặt)
Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/4/1981
Nơi ĐKHKTT: xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện,bản tự khai và trình bày của nguyên đơn phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành Đ cưới nhau vào tháng 5/2003, trước khi cưới anh, chị có tình yêu, tìm hiểu nhau, tự nguyện đến với nhau, sau đó tổ chức cưới hỏi theo phong tục, được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của xóm làng bạn bè. Trước khi cưới anh, chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36 ngày 06/5/2003. Sau khi cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L nguyên nhân là do anh Đ không có ý thức xây dựng hôn nhân bên vững, thiếu trách nhiệm đối với gia đình, vợ con, theo bạn bè xấu sinh ra những thói hư tật xấu làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân và kinh tế của gia đình. Chị L và gia đình đã khuyên nhủ động viên để anh Đ từ bỏ những thói hư tật xấu để xây dựng hôn nhân gia đình bên vững, nhưng anh Đ vẫn không thay đổi mà còn lấn sâu hơn. Do vậy trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên va chạm với nhau qua lời nói và hành động, làm mất tình cảm vợ chồng.

Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì anh Đ bỏ đi vài ngày sau đó mới quay về. Mặc dù mâu thuẫn sâu sắc nhưng do được sự động viên của gia đình, vun vén của bạn bè, nên chị L vẫn cố gắng nhẫn nhịn với mong muốn một ngày nào đó anh Đ sẽ suy nghĩ thấu đáo mọi chuyện thay đổi toàn bộ bản chất lối sống của mình để cùng chị xây dựng hạnh phúc lâu dài. Nhưng mọi nổ lực, mong muốn của chị không được như ý, tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện. Đầu năm 2019 mâu thuẫn xẩy ra càng trầm trọng sâu sắc, chị L thấy hôn nhân giữa chị và anh Đ không thể duy trì, nên chị quyết định làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Đ. Quá trình viết bản tự khai, trình bày tại phiên tòa, chị L khẳng định đã mất hết tình cảm, tình yêu và niềm tin đối với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, nay chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành Đ có hai con chung cháu Nguyễn Thành V(Giới tính: Nam), sinh ngày 25/8/2003 và cháu Nguyễn Thành N(Giới tính: Nam), sinh ngày 15/10/2011. Vợ chồng không sống ly thân, con chung đang sinh sống trực tiếp với bố mẹ, nhưng anh Đ không có trách nhiệm gì đối với con chung, mọi việc nuôi dạy con chung đều do một mình chị L lo liệu. Nếu ly hôn chị L đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì các cháu có nguyện vọng sinh sống với mẹ, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành Đ quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh Đ có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác để giải quyết, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của chị để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn chị Nguyễn Thị L cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị L, anh Đ cơ bản đúng như chị Nguyễn Thị L trình bày.

XÉT THẤY:

-Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Nguyễn Thành Đ, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh Đ không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt, bị đơn anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị L, anh Đ. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều

227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Thành Đ.

- Về nội dung:

+) Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành Đ đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa chị L, anh Đ là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh, chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36 ngày 06/5/2003, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành Đ là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành Đ đã xẩy ra ngày càng trầm trọng, sâu sắc. Nguyên nhân cơ bản là do anh Đ không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với chị L, thiếu trách nhiệm đối với gia đình và vợ con, quá trình sống chung vợ chồng đã va chạm cự cải, xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồn mất tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Mặc dù vợ chồng không sống ly thân, nhưng căn cứ vào trình bày của chị L thì vợ chồng đã cắt đứt hết các quan hệ ràng buộc, hai bên không có ý thức níu kéo hôn nhân, việc sống chung với nhau chỉ là sự miễn cưỡng không mong muốn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L, anh Đ không còn gắn kết nữa, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ là có căn cứ, cần xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ.

+) Về quan hệ con chung: Hai con chung đang sống chung với vợ chồng, tuy anh Đ thiếu trách nhiệm trong việc nuôi dạy con chung, mặc dù việc nuôi con chung rất khó khăn, nhưng chị L luôn hoàn thành nghĩa vụ trách nhiệm của mình đối với hai con chung, đã nuôi dạy con tốt, con ngoan, con chung phát triển về mọi mặt, thể hiện là người mẹ có trách nhiệm cao. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là hoàn toàn có căn cứ, yêu cầu của chị phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung, cần chấp nhận việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Thành Đ thực hiện nghĩa vụ cấp nuôi con chung, nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ cho đến lúc có yêu cầu.

+)Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+) Về án phí : Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 56, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Thành V(Giới tính: Nam), sinh ngày 25/8/2003 và cháu Nguyễn Thành N(Giới tính: Nam), sinh ngày 15/10/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc

con chung đủ tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Thành Đ cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Nguyễn Thành Đ người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26; Điều 27, điểm e điều 11 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ(Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0000336 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành - Nghệ An, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS H.Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh NA
- UBND xã T(ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu hs, VP

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc